

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TMT22B4**

Năm học: **22-23**

Mã môn học/ Mô đun: **MH04226**

Học kỳ: **01**

Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng anh**

Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2254801022082	Nguyễn Hoàng Nam	01/06/2007					6.5	6.3	8.0	7.0	3.8		6.2		6.2
2	2254801022083	Hồ Thanh Nhân	29/06/2007					6.5	4.5	4.3	5.5	6.8		4.8		5.0
3	2254801022084	Trần Đỗ Minh Phát	22/02/2007					6.5	6.8	6.3	5.8	6.5		7.8		7.2
4	2254801022085	Trần Văn Kim Pho	09/06/2007					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
5	2254801022086	Đặng Hoàng Phúc	14/01/2007					6.5	6.0	6.3	9.8	6.5		6.2		6.6
6	2254801022087	Huỳnh Lâm Duy Phúc	16/09/2007					6	5.0	8.3	5.3	5.5		6.2		6.1
7	2254801022088	Nguyễn Trọng Phúc	21/08/2007					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
8	2254801022089	Phan Thành Phúc	27/08/2007					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
9	2254801022090	Phạm Minh Phương	11/10/2007					8	7.0	6.8	7.5	8.0		8.8		8.2
10	2254801022091	Nguyễn Hồng Quân	10/05/2004					7	7.3	6.8	4.5	7.3		8.4		7.7
11	2254801022092	Lê Quốc Thái	07/08/2007					6.5	5.3	7.3	9.8	6.8		7.6		7.4
12	2254801022093	Phạm Văn Thanh	01/10/2007					6.5	5.8	5.8	7.5	6.3		5.2		5.7
13	2254801022094	Nguyễn Trí Thức	25/04/2007					6.5	6.0	4.3	5.8	4.8		5.2		5.3
14	2254801022095	Huỳnh Hà Minh Tiến	21/09/2007					7	4.8	6.0	8.3	7.3		6.0		6.3
15	2254801022096	Nguyễn Lê Bảo Tín	14/11/2006					7	5.8	6.0	8.3	6.3		5.4		5.9
16	2254801022097	Nguyễn Thành Tín	21/07/2007					7	6.3	5.5	7.0	7.8		5.8		6.2
17	2254801022098	Đỗ Văn Tính	02/01/2007					6.5	8.3	5.3	7.5	8.5		6.4		6.8
18	2254801022099	Lương Văn Trạng	21/07/2007					6.5	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.3
19	2254801022100	Lý Bảo Trọng	04/08/2007					6	6.3	7.5	3.8	6.5		6.4		6.2
20	2254801022101	Trương Nguyễn Phú Trọng	22/09/2007					6.5	3.8	4.8	3.5	7.5		5.6		5.4
21	2254801022102	Nguyễn Tấn Trung	29/12/2007					6.5	4.8	5.0	8.3	6.8		2.6		4.1

Châu Đốc, ngày 19 tháng 12 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thị Ngọc Thảo